BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 279/2017/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2017*

THÔNG TƯ

Quy định việc thực hiện xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định việc thực hiện xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hình thức, hồ sơ, thẩm quyền giải quyết xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức (sau đây viết gọn là cơ quan, đơn vị) và cá nhân liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân; các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan.

Điều 3. Xuất ngũ, cách tính thời gian phục vụ tại ngũ

1. Xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ là thực hiện việc chuyển ra khỏi biên chế lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân sang phục vụ trong ngạch dự bị theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

2. Cách tính thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

Điều 4. Hình thức xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ được xuất ngũ đúng thời hạn khi đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ sau thời hạn khi đã phục vụ tại ngũ đủ thời

hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều này và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn khi có một trong các điều kiện sau:

a) Hội đồng giám định sức khỏe từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên hoặc Hội đồng giám định y khoa cấp có thẩm quyền kết luận không đủ tiêu chuẩn sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện xác nhận là gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 41 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện xác nhận là gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện miễn gọi nhập ngũ quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 41 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

- Một anh hoặc một em của liệt sĩ;

- Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

d) Cơ quan Bảo vệ An ninh Quân đội báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định không đủ tiêu chuẩn chính trị theo quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch số 50/2016/TTLT-BQP-BCA ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn chính trị tuyển chọn công dân nhập ngũ vào phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Trong thời gian kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, nếu hạ sĩ quan, binh sĩ có hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn hoặc không đủ tiêu chuẩn sức khỏe hoặc không đủ tiêu chuẩn chính trị theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều này, thì được giải quyết xuất ngũ.

Điều 5. Hồ sơ xuất ngũ

1. Trường hợp xuất ngũ đúng thời hạn và xuất ngũ sau thời hạn, hồ sơ gồm:

a) Lý lịch nghĩa vụ quân sự.

b) Phiếu sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

c) Phiếu quân nhân.

d) Nhận xét quá trình công tác.

đ) Quyết định xuất ngũ: 05 bản (đơn vị giải quyết xuất ngũ 01 bản; cơ quan tài chính đơn vị giải quyết xuất ngũ 01 bản; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về 01 bản; hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ 02 bản, trong đó 01 bản dùng để nộp cho cơ sở dạy nghề nơi hạ sĩ quan, binh sĩ đến học nghề).

e) Giấy tờ khác liên quan (nếu có).

2. Trường hợp xuất ngũ trước thời hạn, hồ sơ gồm:

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ có thời gian phục vụ tại ngũ từ đủ 01 tháng trở lên, nếu không đủ điều kiện phục vụ tại ngũ, thì hồ sơ xuất ngũ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này (quyết định xuất ngũ ghi rõ lý do xuất ngũ) và kèm theo một trong các văn bản sau:

- Biên bản giám định sức khỏe của Hội đồng giám định sức khỏe từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên hoặc biên bản giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa cấp có thẩm quyền kết luận không đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện là gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại Điểm b, c Khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

- Văn bản của cấp có thẩm quyền kết luận không đủ tiêu chuẩn chính trị theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ có thời gian phục vụ tại ngũ dưới 01 tháng, nếu không đủ điều kiện phục vụ tại ngũ thì chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không đủ điều kiện phục vụ tại ngũ, kèm theo hồ sơ nhập ngũ bàn giao trả về địa phương cấp huyện nơi giao quân theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết xuất ngũ

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thời gian, số lượng hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ hàng năm.

2. Chỉ huy trưởng cấp trung đoàn và tương đương quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền.

3. Chỉ huy trưởng cấp sư đoàn và tương đương trở lên xem xét, phê duyệt đối với trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành quyết định hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về địa phương, nếu cá nhân được tiếp nhận vào làm việc tại cơ quan Nhà nước, tổ chức, cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế và có nguyện vọng xin làm thủ tục chuyển đến nơi tiếp nhận vào làm việc, thì Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân

1. Chỉ huy đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên có trách nhiệm:

a) Thực hiện giải quyết xuất ngũ đối với từng hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền; tổ chức buổi gặp mặt chia tay trước khi xuất ngũ; tổ chức lễ tiễn và đưa hạ sĩ quan, binh sĩ về bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về địa phương theo quy định.

b) Thông báo thời gian xuất ngũ trước 30 ngày đến hạ sĩ quan, binh sĩ và Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan, tổ chức nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm: Giúp chỉ huy đơn vị giải quyết đầy đủ thủ tục, hồ sơ, chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trước khi xuất ngũ; lập danh sách hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ gửi đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về để quản lý và đăng ký vào ngạch dự bị theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

3. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức đón nhận hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về địa phương theo quy định; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015.

4. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về có trách nhiệm xem xét, giải quyết cho hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hạ sĩ quan, binh sĩ nhận được quyết định xuất ngũ, phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để trực tiếp đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2017 và thay thế Thông tư số 11/2012/TT-BQP ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc thực hiện xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Phan Văn Giang